

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 399 /2024/DS-PT  
Ngày: 26/7/2024  
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vĩnh

**Các Thẩm phán:** Ông Ngô Tấn Lợi

Ông Đinh Chí Tâm

**Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Lưu Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**  
Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01/7/2024, ngày 23/7/2024 và ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 271/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024, về việc "**Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản**";

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2024/DS-ST ngày 01/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2024/QĐ - PT ngày 30 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 436/2024/QĐ-PT ngày 01/7/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số C, đường Đ, tổ C, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

**Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ:** Ông Dương Minh T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số G, đường C, tổ F, ấp A, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/6/2024.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988;

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Ngô Ngọc D, sinh năm 1993;  
Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã M, tp ., tỉnh Đồng Tháp.

Cùng địa chỉ liên hệ: Số G (số mới 708), Quốc lộ C, tổ F, ấp A, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Có mặt: Dương Minh T, Nguyễn Văn T1, Ngô Ngọc D).

\* *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn T1 là bị đơn, bà Ngô Ngọc D là người liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Nguyên đơn Nguyễn Thị Đ, đại diện ủy quyền ông Dương Minh T trình bày:

Ngày 13/8/2022, ông Nguyễn Văn T1 có vay của bà Nguyễn Thị Đ số tiền 600.000.000đồng; có viết biên nhận, thỏa thuận miệng lãi suất 03%/tháng, mục đích vay tiền để làm ăn kinh doanh.

Ngày 26/12/2022, ông T1 tiếp tục vay của bà Đ 1.400.000.000 đồng; có viết biên nhận, thỏa thuận miệng lãi suất 03%/tháng, mục đích vay tiền là để làm ăn kinh doanh và trả tiền nợ đất.

Từ ngày vay tiền đến nay ông T1 không trả nợ gốc, lãi. Nhiều lần bà Đ yêu cầu nhưng ông T1 không trả nợ. Nay bà Đ yêu cầu ông T1, bà D trả tiền vay gốc 2.000.000.000đồng, tiền lãi suất 1,66%/tháng.

Cụ thể:

- Tiền vay 600.000.000đồng x lãi (từ ngày 14/8/2022 – 25/3/2024) là 19 tháng 11 ngày x 1,66% / tháng = 192.892.000 đồng.

- Tiền vay 1.400.000.000đồng x lãi (từ ngày 27/12/2022 – 25/3/2024) là 14 tháng 27 ngày x 1,66% / tháng = 346.276.000 đồng.

Tổng cộng: Tiền gốc và lãi (600.000.000 đồng + 192.892.000đồng) + (1.400.000.000đồng + 346.276.000đồng) = 2.539.168.000đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định cho đến khi thi hành xong.

Ngoài cho ông T1 vay tiền, thì bà Đ có bán thức ăn chăn nuôi cá cho ông T1 nên ông T1 chuyển trả tiền thức ăn chăn nuôi cho bà Đ. Cụ thể:

Ngày 21/9/2022 T1 chuyển khoản trả bà Đ 150.000.000đồng;

Ngày 17/11/2022 T1 chuyển khoản trả bà Đ 200.000.000đồng;

Ngày 03/10/2022 T1 chuyển khoản trả bà Đ 400.000.000đồng, đây là số tiền trước đó ngày 26/9/2022 ông T1 có vay của bà Đ 1.500.000.000đồng, nên ngày 03/10/2022 ông T1 chuyển trả 400.000.000đồng, còn lại là 1.100.000.000đồng; đến ngày 26/12/2022 ông T1 vay thêm của bà Đ 300.000.000đồng nên ông T1 đã viết biên nhận nợ là 1.400.000.000đồng.

Nay bà Đ yêu cầu ông T1, bà D trả gốc lãi 2.539.168.000đồng.

- Ngoài việc cho ông T1 và bà D vay tiền, thì bà Đ có kinh doanh mua bán thức ăn; vợ chồng ông T1 nhiều lần mua thức ăn của bà Đ nên ngày 21/9/2022, vợ chồng ông T1 có chuyển khoản trả cho bà Đ số tiền 150.000.000đồng; ngày 17/11/2022 chuyển khoản trả cho bà Đ 200.000.000 đồng, nội dung ghi “*Tặng chuyển tiền thức ăn*”.

Đối với số tiền 400.000.000 đồng, vợ chồng ông T1 chuyển khoản cho bà Đ vào ngày 03/10/2022, đây là số tiền của biên nhận ngày 26/9/2022. Sau khi vợ

chồng ông T1 vay của bà Đ số tiền 600.000.000 đồng thì vào ngày 26/9/2022, vợ chồng ông T1 tiếp tục vay tiền của bà Đ số tiền 1.500.000.000 đồng (vay để trả tiền đất), số tiền này chuyển vào số tài khoản 6501236393939 của bà Ngô Ngọc D. Đến ngày 03/10/2022, vợ chồng T1 chuyển trả cho bà Đ số tiền 400.000.000 đồng trong khoản tiền này, vợ chồng ông T1 còn thiếu lại 1.100.000.000 đồng. Ngày 26/12/2022, vợ chồng ông T1 vay thêm của bà Đ 300.000.000 đồng, cộng với số tiền nợ 1.100.000.000 đồng; tổng cộng hai khoản nợ này là 1.400.000.000 đồng, nên ông T1 đã viết lại biên nhận nợ 1.400.000.000 đồng vào ngày 26/12/2022 và hủy bỏ biên nhận ngày 26/9/2022 của số tiền vay 1.500.000.000 đồng.

Do đó, số tiền 400.000.000 đồng bà D chuyển khoản trả cho bà Đ là trả đối với số tiền vay 1.500.000.000 đồng, hoàn toàn không liên quan đến số tiền vay 600.000.000 đồng.

Nay bà Đ yêu cầu ông T1 và bà D trả tiền vay gốc lãi 2.539.168.000 đồng.

**- Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:**

+ Ông T1 thừa nhận ngày 13/8/2022 ông có vay của bà Đ số tiền 600.000.000 đồng, nhưng ông T1 đã chuyển trả cho bà Đ:

- Ngày 21/9/2022 trả 150.000.000 đồng;
- Ngày 03/10/2022 trả 400.000.000 đồng;
- Ngày 17/11/2022 là 200.000.000 đồng.

Tổng cộng 750.000.000 đồng;

Lý do vay 600.000.000 đồng nhưng ông T1 chuyển cho bà Đ số tiền 750.000.000 đồng là vì trả tiền vay 600.000.000 đồng và lãi 50.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng là do bà Đ chuyển dư (xuất phát từ việc ông T1 mượn tài khoản bà Đ để chuyển tiền vay từ Ngân hàng số tiền vay 2.300.000.000 đồng nhưng bà Đ lại chuyển lại cho ông T1 số tiền 2.400.000.000 đồng nên ông T1 chuyển trả lại 100.000.000 đồng cho bà Đ). Bà Đ không trả lại biên nhận bản chính là do ông T1 còn nợ tiền lãi, đồng thời biên nhận được viết cùng tờ giấy đối với biên nhận nợ vay 1.400.000.000 đồng ngày 26/12/2022 nên không xé được. Tất cả tài khoản chuyển tiền là của vợ ông T1 bà Ngô Ngọc D, số tài khoản 101822293939 từ Ngân hàng V.

Đối với số tiền chuyển 150.000.000 đồng ngày 21/9/2022 ghi “*Tặng chuyển đủ tiền thức ăn*” và số tiền 200.000.000 đồng ngày 17/11/2022 ghi “*Tặng chuyển tiền thức ăn*” là do bà Đ yêu cầu ghi nội dung như vậy, đồng thời để Ngân hàng không thu hồi vốn của ông T1 đang vay tín dụng tại Ngân hàng.

Tất cả tiền đều chuyển từ tài khoản của bà D vào tài khoản của bà Đ, số tài khoản 6500205108269 tại Ngân hàng N. Ông T1 chỉ mượn tài khoản của bà D để chuyển tiền cho bà Đ, bà D không liên quan đến việc ông T1 vay tiền của bà Đ. Do đó, số tiền 600.000.000 đồng ông T1 đã trả cho bà Đ xong.

+ Đối với tiền vay 1.400.000.000 đồng ngày 26/12/2022, ông T1 chưa trả vốn cho bà Đ nhưng có trả lãi vượt hơn so với yêu cầu tính lãi của bà Đ trong đơn

khởi kiện, do trả nhiều lần bằng tiền mặt và chuyển khoản nên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ. Do đó, ông T1 chỉ đồng ý trả số tiền vay gốc 1.400.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi theo yêu cầu bà Đ.

Tiền vay của bà Đ 1.500.000.000 đồng ông T1 mua đất ở xã P, huyện C để đào ao nuôi cá, phần đất này do vợ ông là bà Ngô Ngọc D đứng tên chủ sử dụng, bà D không trực tiếp thỏa thuận vay tiền với bà Đ nhưng ông T1 có trao đổi với bà D và mỗi lần chuyển tiền vay đều thực hiện thông qua tài khoản của bà D.

Tại phiên tòa ngày 19/3/2024, ông T1 thừa nhận ngày 26/9/2022 có vay của bà Đ số tiền 1.500.000.000 đồng. Đến ngày 05/12/2022, sau khi bán cá ông Tặng có đến nhà bà Đ trả số tiền vay gốc 400.000.000 đồng (có ông Trương Hoàng T2 làm chứng). Sau khi trả tiền mặt 400.000.000 đồng, ông T1 còn nợ bà Đ 1.100.000.000 đồng, bà Định tính lãi của tất cả các khoản vay ra số tiền lãi 300.000.000 đồng nên ông T1 đã viết biên nhận nợ bà Đ 1.400.000.000 đồng vào ngày 26/12/2022. Do trong biên nhận nợ không ghi thỏa thuận lãi nên ông T1 chỉ đồng ý trả số tiền vay 1.400.000.000 đồng không đồng ý trả lãi. Ông T1 xác định các lần mua thức ăn của bà Đ ông T1 đều trả tiền mặt không chuyển khoản. Từ ngày 26/12/2022 sau khi viết biên nhận vay 1.400.000.000 đồng ông T1 không trả số tiền vay và lãi nào khác cho bà Đ.

Tại phiên tòa ngày 25/3/2024, ông T1 trình bày các biên nhận vay đều có thỏa thuận lãi suất, dựa vào sổ phụ sao kê do bà Đ giao nộp ông T1 xác định được từ ngày 26/12/2022 đến nay ông T1 có chuyển trả tiền cho bà Đ tổng cộng 07 lần tổng số là 183.247.000 đồng. Nay yêu cầu trừ số tiền ông T1 đã trả 183.247.000 đồng vào số tiền vay gốc 1.100.000.000 đồng, ông T1 chỉ còn nợ bà Đ 916.753.000 đồng và đồng ý trả lãi theo quy định, thời gian tính lãi từ ngày 26/12/2022.

Đối với số tiền 300.000.000 đồng là tiền lãi, ông T1 không đồng ý trả, tin nhắn Zalo giữa ông T1 và bà Đ, có nội dung bà Định t số tiền lãi là 374.215.000 đồng.

- **Người liên quan Ngô Ngọc D trình bày:** Bà D thống nhất với ý kiến trình bày của ông T1. Bà D có biết sự việc ông T1 vay tiền bà Đ và các lần chuyển tiền đều thông qua tài khoản của bà D, bà D thống nhất liên đới cùng ông T1 trả số tiền vay cho bà Đ.

- **Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2024/DS-ST ngày 01/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã quyết định:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Ngô Ngọc D liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền vay và lãi là 2.539.168.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 25/3/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

## 2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T1 và bà Ngô Ngọc D phải chịu là 82.783.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 39.154.000 đồng theo biên lai số 0007086 ngày 24/10/2023 và số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0000174 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

- Ngày 15/4/2024 ông Nguyễn Văn T1, bà Ngô Ngọc D kháng cáo yêu cầu xem xét vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, đại diện ủy quyền là ông Dương Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T1, bà D trả tiền vay gốc 2.000.000.000đồng; đồng ý giảm tiền lãi cho ông T1, bà D; đồng ý tính lãi suất 0,83%/ tháng của số tiền gốc.

+ Bị đơn ông Nguyễn Văn T1, người liên quan bà Ngô Ngọc D, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả tiền vay và lãi theo yêu cầu bà Đ.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm; Về nội dung: Đề nghị chấp nhận 01 phần kháng cáo của bị đơn, người liên quan; sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn giảm lãi, tính lãi suất 0,83%/ tháng đối với số tiền vay gốc.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Ông Nguyễn Văn T1, bà Ngô Ngọc D kháng cáo không đồng ý trả tiền vay, gốc lãi cho bà Nguyễn Thị Đ là 2.539.168.000 đồng. Xét thấy:

[1] Căn cứ biên nhận ngày 13/8/2022 thể hiện ông Nguyễn Văn T1 vay của bà Đ 600.000.000đồng được bà Đ chuyển vào tài khoản của bà Ngô Ngọc D (vợ ông T1) cho ông T1 02 lần (01 lần 200.000.000đồng, 01 lần 400.000.000đồng) vào ngày 03/8/2022.; Biên nhận ngày 26/12/2022 vay 1.400.000.000đồng. Tổng cộng 2.000.000.000đồng.

Tuy nhiên số tiền vay 600.000.000đồng theo biên nhận ngày 13/8/2022, ông T1 cho rằng đã trả cho bà Đ 03 lần gồm: Ngày 21/9/2022 trả 150.000.000đồng; Ngày 03/10/2022 trả 400.000.000đồng; Ngày 17/11/2022 là 200.000.000 đồng. Tổng cộng 750.000.000 đồng là không có căn cứ. Bởi lẽ, ông T1 cũng thừa nhận ngoài vay tiền của bà Đ thì giữa ông T1 và bà Đ còn có giao

dịch mua bán thức ăn chăn nuôi (bà Đ là người bán thức ăn chăn nuôi cá cho ông T1). Số tiền trả ngày 21/9/2022 (150.000.000đồng), ngày 03/10/2022 (400.000.000đồng) và ngày 17/11/2022 (200.000.000đồng) đều ghi “*Tặng chuyển đủ tiền thức ăn*”, “*Tặng chuyển tiền thức ăn*” nên việc ông T1 cho rằng đã trả tiền vay cho bà Đ là không có căn cứ.

Ông T1 vay của bà Đ 600.000.000đồng nhưng chuyển trả 750.000.000đồng, nhưng ông T1 không chứng minh được số tiền lãi của bao nhiêu tháng, mức lãi suất bao nhiêu và tính lãi từ thời gian nào....

Lời khai của ông T1 là bất nhất, khi thì trình bày đã trả nợ cho bà Đ xong, khi thì trình bày do bà Đ yêu cầu ông ghi nội dung trả tiền theo ý kiến bà Đ, khi thì cho rằng ghi là để Ngân hàng không thu hồi vốn của ông T1 đang vay tín dụng tại Ngân hàng .... trình bày này của ông T1 không được bà Đ thừa nhận nhưng ông T1 không chứng minh được đã trả nợ vay gốc cho bà Đ. Do vậy việc bà Đ yêu cầu ông T1 trả nợ gốc 600.000.000đồng của biên nhận ngày 13/8/2022 là phù hợp.

[2] Đối với số tiền vay 1.400.000.000đồng theo biên nhận ngày 26/12/2022. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 19/3/2024 (BL204) ông Nguyễn Văn T1 thừa nhận, trước đó ngày 26/9/2022 ông T1 có vay của bà Đ số tiền 1.500.000.000đồng (“*mượn chồng tiền đất*”), ông T1 có viết biên nhận. Đến ngày 05/12/2022, sau khi bán cá ông Tặng có đến nhà bà Đ trả số tiền vay gốc 400.000.000 đồng, có ông Trương Hoàng T2 làm chứng, nhưng ông T2 chỉ nghe ông T1 nói mà không chứng kiến việc ông T1 trả tiền cho bà Đ, đồng thời bà Đ cũng không thừa nhận. Do vậy, không có căn cứ chứng minh ông T1 đã trả bà Đ 400.000.000đồng vào ngày 05/12/2022 như đã trình bày.

Tuy nhiên, bà Đ cũng thừa nhận ông T1 đã trả bà Đ 400.000.000đồng trong số tiền vay 1.500.000.000đồng (ngày 26/9/2022), nhưng chuyển trả tiền qua tài khoản Ngân hàng ngày 03/10/2022 số tài khoản của bà Ngô Ngọc D nên số tiền còn lại (1.500.000.000đồng – 400.000.000đồng) = 1.100.000.000đồng.

Cũng theo bà Đ cho rằng, ngày 26/12/2022 vợ chồng ông T1, bà Đ đến vay của bà Đ 300.000.000đồng + số tiền còn nợ 1.100.000.000đồng nên ông T1 viết biên nhận vay 1.400.000.000đồng; đối với ông T1 thì cho rằng 300.000.000đồng (trong số tiền 1.400.000.000đồng) là do bà Định tính tiền lãi của tất cả các khoản vay để ra số tiền 300.000.000đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh, vì ông T1 không chứng minh được số tiền lãi của khoản vay nào cũng như lãi suất bao nhiêu và thời gian tính lãi suất từ ngày, tháng, năm nào ....

[3] Tại Tòa án cấp sơ thẩm (25/3/2024 – BL 199), ông T1 cho rằng các khoản tiền ông vay của bà Đ đều có thỏa thuận lãi suất 06%/ tháng, đồng thời căn cứ vào sổ phụ sao kê do bà Đ nộp thì ông T1 đã chuyển khoản trả tiền cho bà Đ 07 lần, tổng cộng 183.247.000đồng, nhưng các lần chuyển khoản này cũng thể hiện “TANG TRA TIEN MUA THUC AN CHI DINH” hoặc “DUYEN TANG TRA TIEN THUC AN” mà không phải nội dung trả tiền lãi vay. Đồng thời tin nhắn trên Zalo ngày

19/12/2022 giữa bà Đ và ông T1, do bà Định tính t1 (BL 146) bà Đ yêu cầu ông T1, bà Đ trả lãi số tiền 374.215.000 đồng là không phù hợp. Vì rằng ông T1 cho rằng số tiền vay 600.000.000 đồng ông T1 đã chuyển trả cho bà Đ xong cả vốn và lãi là 650.000.000 đồng vào ngày 17/11/2022, tin nhắn Zalo như ông T1 trình bày cũng không thể hiện đây là tiền lãi; đồng thời ông T1, bà Đ cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả lãi nợ vay cho bà Đ.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T1, bà Đ trả tiền nợ gốc của biên nhận ngày 13/8/2022 số tiền 600.000.000 đồng và biên nhận ngày 26/12/2022 số tiền 1.400.000.000 đồng; tổng cộng 02 Tỷ đồng là có căn cứ.

**[4]** Ông T1, bà Đ kháng cáo không đồng ý trả tiền lãi vay cho bà Đ. Xét thấy:

**[4.1]** Mặc dù các biên nhận ông T1 vay tiền của bà Đ không ghi vay có lãi, nhưng ông T1 thừa nhận các bên có thỏa thuận lãi, và ông T1 có trả lãi cho bà Đ số tiền 183.247.000 đồng là không có căn cứ. Như đã phân tích tại mục [2], [3], [4] lời khai của ông T1 không thống nhất nhau, ông T1 cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc ông T1 hoặc bà Đ trả tiền lãi vay cho bà Đ.

Tại phiên tòa ngày 25/3/2022, ông T1 xác định thông qua các sổ phụ sao kê từ ngày 26/12/2022 đến nay ông T1 có chuyển khoản 07 lần cho bà Đ số tiền 183.247.000 đồng đều ghi nội dung thanh toán tiền thức ăn là để trả số tiền vay gốc 1.100.000.000 đồng nên ông T1 chỉ còn nợ bà Đ số tiền gốc 916.753.000 đồng và đồng ý tính lãi theo quy định từ ngày 26/12/2022 là không phù hợp.

**[4.2]** Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ cho rằng lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, người đại diện ủy quyền của bị đơn cho rằng lãi suất là 6 - 9%/tháng, và nay ông T1, bà Đ kháng cáo yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng. Xét thấy, mức lãi suất các bên trình bày là không thống nhất, từ 3%/tháng – 6 - 9%/tháng, sự thỏa thuận này đều vượt mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%/năm. Nhưng ông T1, bà Đ yêu cầu áp dụng lãi suất 0,83%/ tháng để trả lãi suất số tiền vay của bà Đ là không phù hợp nên không chấp nhận.

Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tính lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự (1,66%/tháng) là có căn cứ.

**[4.3]** Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ là anh Dương Minh T đồng ý giảm số lãi cho ông T1, bà Đ; đồng ý tính lãi suất 0,83%/ tháng của số tiền gốc 2.000.000.000 đồng, ý kiến này ông T1 và bà Đ đồng ý. Xét đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Theo đó:

- Tiền vay 600.000.000 đồng x lãi (từ ngày 14/8/2022 – 25/3/2024) là 19 tháng 11 ngày x 0,83% / tháng = 96.446.000 đồng.

- Tiền vay 1.400.000.000đồng x lãi (từ ngày 27/12/2022 – 25/3/2024) là 14 tháng 27 ngày x 0,83% / tháng = 173.137.810đồng.

Tổng cộng: Tiền gốc và lãi (600.000.000 đồng + 96.446.000đồng) + (1.400.000.000đồng + 173.138.000đồng) = 2.269.584.000đồng là số tiền ông T1, bà D phải trả cho bà Đ.

**[4.4]** Vậy nên, sửa 01 phần án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận lãi suất của bà Đ với ông T1, bà D.

**[5]** Do sửa án sơ thẩm nên phần án phí dân sự sơ thẩm cần điều chỉnh cho phù hợp. Theo đó: Số tiền 2.269.584.000đồng (2.000.000.000đồng = 72.000.000đồng); (269.584.000đồng x 2%) = 5.391.000đồng; Tổng cộng 72.000.000đồng + 5.391.000đồng = 77.391.000đồng.

**[6]** Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**[7]** Đối với phần Quyết định của bản án tuyên về nghĩa vụ chịu lãi của người phải thi hành án, tính từ ngày 25/3/2023 cho đến khi thi hành án xong là không phù hợp, nên Hội đồng xét xử điều chỉnh nội dung này cho phù hợp với quy định của pháp luật.

**[8]** Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông T1, bà D không phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**[9]** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị sửa một phần án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện của bà Đ giảm tiền lãi suất là 0,83%/ tháng cho ông T1, bà D. Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1, bà Ngô Ngọc D;

- Công nhận sự thỏa thuận tự nguyện của bà Nguyễn Thị Đ với ông Nguyễn Văn T1, bà Ngô Ngọc D.

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 01/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh về phần lãi suất;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Ngô Ngọc D liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền vay gốc và lãi là 2.269.584.000đồng (Hai tỷ, hai trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ của mình thì hằng tháng phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Nguyễn Văn T1 và bà Ngô Ngọc D phải chịu là 77.391.000đồng.

Bà Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 39.154.000 đồng theo biên lai số 0007086 ngày 24/10/2023 và số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0000174 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

**3. Án phí dân sự phúc thẩm:** Ông Nguyễn Văn T1, bà Ngô Ngọc D không phải chịu án phí; ông T1, bà D mỗi người được nhận lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0009653 ngày 16/4/2024, biên lai số 0009654 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cao Lãnh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV & THA Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Chi cục THA ds tp. Cao Lãnh;
- Tòa án tp. Cao Lãnh;
- Đường sự;
- Lưu hs vụ án (vh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

**Nguyễn Thị Vĩnh**

